

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK GLEI
TỈNH KON TUM**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2017/DS - ST
Ngày 27/9/2017
“*V/v Tranh chấp đòi nợ tiền*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLEI TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Y Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Viết Khang

2. Ông: A Vê

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hà Văn Kiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Glei tỉnh Kon Tum

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glei tham gia phiên tòa:* Ông Tạ Đình Hà - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 9 năm 2017, tại Hội trường xét xử, trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2017/TLST - DS ngày 04 tháng 8 năm 2017 về “*Tranh chấp đòi nợ tiền*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2017/QĐXXST - DS ngày 13 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Vũ Quang K; sinh năm 1954

Địa chỉ: Thôn 5 thị trấn Plei K, huyện Ngọc H, tỉnh Kon Tum (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Trần Xuân X sinh năm 1963 và bà Võ Thị L; sinh năm 1963 ; Bà Võ Thị L ủy quyền cho ông Trần Xuân X tham gia tố tụng (giấy ủy quyền đề ngày 22/8/2017), ông Trần Xuân X có mặt;

Các bị đơn cùng trú tại: Thôn 14A, xã Đăk P, huyện Đăk G, tỉnh Kon Tum.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Th; sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn 5 thị trấn Plei K, huyện Ngọc H, tỉnh Kon Tum (Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 8 năm 2017, bản tự khai ngày 29 tháng 8 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Vũ Quang K trình bày như sau:

Vào tháng 10 năm 2016 ông Trần Xuân X có thuê 01 chiếc máy đào của ông Vũ Quang K để san lấp mặt bằng tại thị trấn Đăk G, huyện Đăk G. Sau khi thanh toán, thì ông X còn nợ lại số tiền là 32.000.000 đồng (*Ba mươi hai triệu đồng*), hện

đến ngày 20/12/2016 (âm lịch) sẽ thanh toán hết cho ông K, đến hạn ông X không trả số tiền trên cho ông K và tiếp tục hạn (do bà Võ Thị L viết giấy hạn ngày 23/03/2017) đến ngày 26/6/2017 (dương lịch) sẽ trả hết số tiền còn lại cho ông K, ông K công nhận ngày 28/12/2016 (âm lịch) con dâu ông là Nguyễn Thị Th có lên nhà ông X đòi tiền, ông X đã trả cho chị Nguyễn Thị Th số tiền là 4.200.000 đồng (*Bốn triệu hai trăm nghìn đồng*), số tiền còn lại là 27.800.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng*), ông K đã lên đòi nhiều lần nhưng ông X vẫn không trả. Vì vậy ông K làm đơn khởi kiện yêu cầu ông Trần Xuân X và bà Võ Thị L phải trả đủ số tiền còn lại là 27.800.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng*).

Về phía bị đơn ông Trần Xuân X trình bày: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã trực tiếp tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, qua quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Xuân X trình bày rõ: Do bà Võ Thị L bận công việc nên ủy quyền lại cho ông X tham gia tố tụng giải quyết vụ án. Ông X công nhận vào tháng 10/2016 ông X có thuê máy đào của ông K san lấp mặt bằng tại thị trấn Đắk G, huyện Đắk G. Sau khi thanh toán thì còn nợ lại số tiền là 32.000.000 đồng (*Ba mươi hai triệu đồng*), nhưng đến ngày 28/12/2016 (âm lịch) thì ông X đã trả cho con dâu của ông K là chị Nguyễn Thị Th số tiền là 4.200.000 đồng (*Bốn triệu hai trăm nghìn đồng*), hiện nay còn nợ lại ông K số tiền là 27.800.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng*) và tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Trần xuân X hạn đến ngày 15/4/2018 sẽ trả hết cho ông K số tiền nói trên.

Về phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Th: Vì lý do công việc nên chị Th có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, tại bản tự khai ngày 29/8/2017 chị Nguyễn Thị Th trình bày: Ngày 28/12/2016 (âm lịch) chị Th có lên huyện Đắk G có việc nên ông K là bố chồng có nói chị Th vào nhà ông X và bà L lấy cho ông K số tiền còn lại là 32.000.000 đồng (*Ba mươi hai triệu đồng*), ông X có trả cho chị Th số tiền là 4.200.000 đồng (*Bốn triệu hai trăm nghìn đồng*). Chị Th công nhận đã nhận số tiền 4.200.000 đồng (*Bốn triệu hai trăm nghìn đồng*) từ ông X, về số tiền này chị Th đã đưa lại cho ông K, chị Th không có yêu cầu gì thêm.

Vì vậy, tại các buổi hòa giải các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, nên Tòa án lập biên bản hòa giải không thành và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và trên cơ sở ý kiến của nguyên đơn ông Vũ Quang K và bị đơn Trần Xuân X (và là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Võ Thị L) tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về phần thủ tục tố tụng: Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự; tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về giao dịch dân sự, quan hệ pháp luật phải giải quyết "*Kiện đòi nợ tiền*", Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 7 thông tư liên tịch số

04/2012/TTLT – VKSNDTC – TANDTC ngày 01/8/2012, Viện kiểm sát nhân dân phải tiến hành tham gia tố tụng.

[2]. Giao dịch dân sự giữa ông Vũ Quang K và ông Trần Xuân X diễn ra vào tháng 10 năm 2016, tức là giao dịch dân sự đã thực hiện xong trước ngày 01/01/2017, theo quy định tại Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết.

[3]. Việc bị đơn ông Trần Xuân X có thuê máy đào của nguyên đơn ông Vũ Quang K để san lấp mặt bằng là đúng sự thật. Bởi lẽ, nguyên đơn cung cấp giấy hẹn trả nợ có chữ ký, chữ viết của bị đơn. Các đương sự đều thừa nhận đúng chữ viết, chữ ký của mình và công nhận nợ, việc các bên đương sự có xác lập văn bản ghi nội dung hẹn trả nợ có trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn đúng pháp luật, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả số tiền nợ là có căn cứ và cần được chấp nhận. Tại phiên tòa nguyên đơn ông Vũ Quang K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn phải trả số tiền là 27.800.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng*)

[4]. Về phía bị đơn công nhận nợ và chấp nhận trả cho nguyên đơn số tiền nợ là 27.800.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng*), nhưng vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bị đơn chưa thể trả ngay được, mà hẹn đến ngày 15/4/2018 sẽ trả hết số tiền nói trên cho nguyên đơn. Xét lời trình bày của bị đơn về thời gian thanh toán cho nguyên đơn số tiền nói trên vào ngày 15/4/2018. Hội đồng xét xử xét thấy, lời yêu cầu của bị đơn không được nguyên đơn chấp nhận, tức là việc các đương sự không thoả thuận được với nhau về thời gian thanh toán. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bị đơn.

[5]. Về phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Tòa án đã tổng đạt triệu tập hợp lệ, nhưng vì lý do công việc nên có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên: Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là: 27.800.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng*) Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Áp dụng các Điều 283; 412 của Bộ luật dân sự năm 2005 buộc bị đơn ông Trần Xuân X và bà Võ Thị L phải trả cho nguyên đơn ông Vũ Quang K số tiền là: 27.800.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng*).

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm của số tiền phải trả, tính được là **27.800.000 x 5% = 1.390.000 đồng** (*Một triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng*). Nguyên đơn ông Vũ Quang K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 283, 412 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Xử:

1) Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Quang K đề ngày 02 tháng 8 năm 2017.

Buộc bị đơn ông Trần Xuân X và bà Võ Thị L phải trả cho nguyên đơn ông Vũ Quang K số tiền là: 27.800.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng*).

Áp dụng Khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự: Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, ông Vũ Quang K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn ông Trần Xuân X và bà Võ Thị L không trả hoặc chậm trả số tiền nêu trên, thì phải trả tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả tại thời điểm thi hành án.

2) Về án phí dân sự sơ thẩm.

Áp dụng Điều 144 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 3; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị đơn ông Trần Xuân X và bà Võ Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là **1.390.000 đồng** (*Một triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng*) để nộp vào Ngân sách Nhà Nước. Nguyên đơn ông Vũ Quang K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Vũ Quang K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **800.000 đồng** (*Tám trăm nghìn đồng*) theo biên lai số: AA/2010/0004557 ngày 03 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk G, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong thời hạn 15 ngày (*Mười lăm*), kể từ ngày tuyên án (27/9/2017) nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Tp Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Y Trình